

KẾ HOẠCH
Triển khai nâng cao Chỉ số Đổi mới sáng tạo
tỉnh Bình Thuận năm 2024

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024 và Công văn số 1038/BKH-CN-ĐP ngày 28/3/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc bố trí kinh phí triển khai Chỉ số Đổi mới sáng tạo (gọi tắt là Chỉ số PII) cấp địa phương hàng năm.

Nhằm cải thiện, nâng cao Chỉ số PII của tỉnh Bình Thuận năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số PII, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU

1. Mục tiêu:

- Mục tiêu tổng quát: Cải thiện, nâng cao Chỉ số Đổi mới sáng tạo năm 2024 và những năm tiếp theo của tỉnh Bình Thuận; đồng thời, sử dụng bộ chỉ số để xây dựng các chính sách nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Mục tiêu cụ thể: Phân đầu cải thiện và nâng cao các chỉ số của Bộ Chỉ số Đổi mới sáng tạo trong năm 2024 (Bộ chỉ số PII), kết quả được công bố có vị trí cao hơn năm 2023.

2. Yêu cầu

- Yêu cầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện tăng cường chỉ đạo toàn diện, thống nhất, đồng bộ đổi mới tư duy, nắm vững nội dung các chỉ số thành phần của Chỉ số PII, chủ động đề ra giải pháp thiết thực để cải thiện, nâng cao Chỉ số PII gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các sở, ban, ngành, địa phương với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; xác định cải thiện và nâng cao Chỉ số PII là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, lâu dài, kiên trì của các cơ quan, đơn vị.

- Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì làm đầu mối thực hiện việc cải thiện điểm số từng Chỉ số thành phần có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với đơn vị chủ trì và cùng chịu trách nhiệm về các chỉ số thành phần của Chỉ số PII thuộc lĩnh vực phụ trách.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện về ý nghĩa và tầm quan trọng của Chỉ số PII

- Giao các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chủ động tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị về ý nghĩa, tầm quan trọng của Chỉ số PII để cung cấp bức tranh thực tế, tổng thể hiện trạng mô hình phát triển kinh tế - xã hội dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, là tài liệu hữu ích, cung cấp các căn cứ khoa học và thực tiễn để các địa phương sử dụng trong xây dựng và thực thi các chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Tiếp tục rà soát các chỉ số thành phần của Chỉ số PII thuộc lĩnh vực ngành, đơn vị, địa phương quản lý; chủ động tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành bao gồm 13 lĩnh vực: (i) Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, (ii) Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, (iii) Hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, (iv) Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ; (v) Hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ, (vi) Chuyển đổi số, (vii) Phát triển công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, (viii) Phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, (ix) Phát triển sản phẩm nông nghiệp, phát triển nông thôn, (x) Phát triển dịch vụ logistics, (xi) Phát triển và thu hút nhân lực, (xii) Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, (xiii) Các văn bản chính sách khác có liên quan nhằm triển khai có hiệu quả ở cấp địa phương, đơn vị đạt mục tiêu đề ra, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai có chất lượng, đúng tiến độ các tiêu chí và chỉ tiêu thành phần theo lĩnh vực của đơn vị, địa phương được phân công tại Phụ lục I, II và III kèm theo Kế hoạch này.

- Giao Sở Khoa học và Công nghệ:

+ Xây dựng các chuyên mục, chuyên đề tuyên truyền, phổ biến thông tin liên quan về Bộ chỉ số PII trên báo, đài, trang thông tin điện tử của Sở.

+ Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao kiến thức, nghiệp vụ về Bộ chỉ số PII cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc các sở, ban, ngành, địa phương tham mưu trực tiếp về các nội dung liên quan đến Chỉ số PII.

+ Tiếp tục rà soát, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực cạnh tranh để thúc đẩy doanh nghiệp tham gia thị trường khoa học và công nghệ; phát triển, tăng số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ; nâng cao tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương.

2. Tập trung cải thiện để tăng điểm số các chỉ số thành phần có điểm số thấp năm 2023

- Nội dung nhiệm vụ, giải pháp, phân công thực hiện theo Phụ lục I đính kèm.
- Sản phẩm hoàn thành: Kế hoạch/văn bản triển khai.
- Thời gian hoàn thành: Trước ngày 30/8/2024.

3. Duy trì và tiếp tục nâng cao điểm số của các chỉ số thành phần có điểm số tốt năm 2023

- Nội dung nhiệm vụ, giải pháp, phân công thực hiện theo Phụ lục II đính kèm.
- Sản phẩm hoàn thành: Kế hoạch/văn bản triển khai.
- Thời gian hoàn thành: Trước ngày 30/8/2024.

4. Cung cấp dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng phục vụ tính toán chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh năm 2024

- Nội dung dữ liệu, tài liệu cung cấp, phân công thực hiện theo Phụ lục III đính kèm.
- Sản phẩm hoàn thành: Dữ liệu, tài liệu liên quan.
- Các cơ quan, đơn vị, địa phương **được giao nhiệm vụ tại Phụ lục III**, cung cấp dữ liệu và tài liệu minh chứng về Sở Khoa học và Công nghệ khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Sở Khoa học và Công nghệ triển khai hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, đồng thời, theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nội dung trên và làm đầu mối tổng hợp rà soát, kiểm tra, đối chiếu dữ liệu, tài liệu minh chứng do cơ quan, đơn vị, địa phương cung cấp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ theo yêu cầu.

5. Bố trí kinh phí triển khai Chỉ số PII cấp địa phương

Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ đã giao trong dự toán đầu năm 2024 để triển khai Kế hoạch đảm bảo theo đúng quy định ngân sách nhà nước.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch này, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo nhiệm vụ được phân công chủ động tổ chức triển khai thực hiện đạt hiệu quả.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo tổ chức tuyên truyền và phổ biến Kế hoạch này sâu rộng đến các cấp, các ngành.

3. Báo Bình Thuận, Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Thuận, các cơ quan báo chí Trung ương thường trú tại tỉnh hỗ trợ các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức truyền thông, phổ biến Kế hoạch này đến cộng đồng người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này. Đồng thời, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện và các giải pháp thực hiện có hiệu quả cho những năm tiếp theo.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc phải kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Khoa học và Công nghệ*) để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (Đ/c Minh);
- Các cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan báo chí Trung ương thường trú tại tỉnh;
- Báo Bình Thuận;
- Lưu: VT, KT, KGVXNV, Trang.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh

PHỤ LỤC I
NỘI DUNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, PHÂN CÔNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẢI THIỆN
ĐỀ TĂNG ĐIỂM SỐ CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CÓ ĐIỂM SỐ THẤP NĂM 2023
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 2982 /KH-UBND ngày 08 /8/2024 của UBND tỉnh)

Số TT	Các Trụ cột	Các chỉ số thành phần có điểm số thấp năm 2023	Điểm số được đánh giá năm 2023 <i>(dưới mức trung bình)</i>	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ, giải pháp
1	Thể chế	05 chỉ số				
1.1	Môi trường chính sách	Chính sách thúc đẩy khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	19,24	Các sở, ngành và đơn vị liên quan		Tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh các chính sách thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng, bao gồm 13 lĩnh vực: (i) Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, (ii) Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, (iii) Hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, (iv) Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ; (v) Hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ, (vi) Chuyển đổi số, (vii) Phát triển công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, (viii) Phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, (ix) Phát triển sản phẩm nông nghiệp, phát triển nông thôn, (x) Phát triển dịch vụ logistics, (xi)

						<i>Phát triển và thu hút nhân lực, (xii) Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, (xiii) Các văn bản chính sách khác có liên quan</i>
		Thiết kế pháp lý và ANTT	0	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	Tăng cường triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI của tỉnh
		Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	48,22	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	Tăng cường triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp
1.2	Môi trường kinh doanh	Tính năng động chính quyền	3,47	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	Tăng cường triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI của tỉnh
		Cải cách hành chính	24.52	- Sở Nội vụ - UBND cấp huyện	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	Tham mưu triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chỉ số cải cách hành chính của tỉnh
2	Vốn con người và nghiên cứu và phát triển	06 chỉ số				
2.1	Giáo dục	Tỷ lệ học sinh trung học tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật	n/a	Sở Giáo dục và Đào tạo	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh	Tăng cường tổ chức đa dạng các cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật cho học sinh THCS, THPT trong tỉnh.
		Chi cho giáo dục và đào tạo bình quân 1 người đi học	16,68	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tham mưu bố trí nguồn kinh phí chi giáo dục và đào tạo từ nguồn NSNN địa phương

2.2	Nghiên cứu và phát triển	Nhân lực NC&PT (toàn thời gian)/10.000 dân	11,32	- Sở Khoa học và Công nghệ - Sở Nội vụ	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực tham gia trực tiếp vào hoạt động nghiên cứu và phát triển trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị
		Chi cho KH&CN/GRDP	5,16	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Cục thống kê tỉnh	Tham mưu bố trí nguồn kinh phí chi khoa học và công nghệ từ nguồn NSNN địa phương.
		Chi cho NC&PT/GRDP	1,74			
		Số tổ chức KH&CN/10.000 dân	0	Sở Khoa học và Công nghệ	Các tổ chức, doanh nghiệp liên quan	Tham mưu phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai, phát triển công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ.
3	Cơ sở hạ tầng	04 chỉ số				
3.1	Hạ tầng ICT	Hạ tầng số	40,59	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	Tham mưu triển khai các chính sách, chương trình thúc đẩy chuyển đổi số (DTI).
3.2	Hạ tầng chung và môi trường sinh thái	Cơ sở hạ tầng cơ bản	38,62	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	Tham mưu triển khai các chính sách, chương trình thúc đẩy chuyển đổi số (DTI).
		Tỷ lệ đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng (%)	26,58	Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh	- Các sở, ngành và đơn vị liên quan. - UBND huyện, thị xã, thành phố	Tham mưu tăng cường các giải pháp đầu tư phát triển phân đấu tăng tỷ lệ diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các khu công nghiệp trên tổng diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch của các khu công nghiệp

		Quản trị môi trường	29,56	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Nội vụ.	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để cải thiện chỉ số thành phần “ <i>Quản trị môi trường</i> ” thuộc chỉ số PAPI của tỉnh
4	Trình độ phát triển của thị trường	06 chỉ số				
4.1	Tài chính và đầu tư	Tín dụng cho khu vực tư nhân/1.000 lao động	24,92	- Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Bình Thuận. - Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.	Các doanh nghiệp trong tỉnh	Triển khai các chính sách tín dụng, chính sách thúc đẩy chương trình tài chính vi mô, nhằm giúp các doanh nghiệp nhỏ và người dân dễ tiếp cận các nguồn tín dụng vi mô ở địa phương để phục vụ phát triển kinh tế, thực hiện đầu tư sản xuất - kinh doanh
		Vốn sản xuất kinh doanh bình quân hàng năm của các doanh nghiệp	32,30	Cục Thống kê tỉnh	Các doanh nghiệp trong tỉnh	Tham mưu triển khai có hiệu quả chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
		Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của doanh nghiệp	44,16			
4.2	Quy mô thị trường	Số doanh nghiệp dịch vụ chuyên môn khoa học và công nghệ	34,59	- Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	Tham mưu rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm.

				- Cục thống kê tỉnh		
		Mật độ DN/1.000 dân	24,06	Cục Thống kê tỉnh	Các doanh nghiệp trong tỉnh	Tham mưu triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
		Đóng góp trong GDP của tỉnh	19,05	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	Tham mưu rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm.
5	Trình độ phát triển của doanh nghiệp	08 chỉ số				
5.1	Lao động có kiến thức	Tỷ lệ chi đào tạo lao động trong tổng chi của DN (%)	45,67	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI của tỉnh.
		Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo (%)	17,04	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	Tham mưu tăng cường giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề.
		Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động NC&PT (R&D)	7,32	Sở Khoa học và công nghệ	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	Tăng cường tham mưu phát triển doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ
5.2	Liên kết sáng tạo	Tỷ lệ dự án đầu tư đang hoạt động trong các khu công nghiệp/1.000 doanh nghiệp	8,36	Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh	- Các sở, ngành và đơn vị liên quan. - UBND huyện, thị xã, thành phố.	Tham mưu tăng cường chính sách phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp.

		Tỷ lệ dự án đầu tư đang hoạt động trong các cụm công nghiệp/1.000 doanh nghiệp	26,89	Sở Công Thương	- Các sở, ngành và đơn vị liên quan. - UBND huyện, thị xã, thành phố	Tham mưu tăng cường chính sách phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp SXKD trong các cụm công nghiệp.
5.3	Hấp thu tri thức	Đầu tư trực tiếp của nước ngoài/GRDP (%)	9,90	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	Triển khai các chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào trong nước.
		Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động ĐMST (%)	11,43	- Sở Khoa học và Công nghệ - Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Tăng cường triển khai các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo.
		Số doanh nghiệp có chứng chỉ ISO/1.000 DN	10,91	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các sở, ngành và đơn vị liên quan; - Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp.
6	Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ	<i>08 chỉ số</i>				
6.1	Sáng tạo trí thức	Đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích/10.000 dân	35,32	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Tăng cường triển khai các chính sách, chương trình hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong hoạt động khoa học, công nghệ; tuyên truyền, hướng dẫn cá nhân, doanh nghiệp nhằm nâng cao số

						lượng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.
		Đơn đăng ký giống cây trồng/10.000 dân	5,32	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Sở Khoa học và Công nghệ. - Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân triển khai chiến lược sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh.
6.2	Tài sản vô hình	Đơn đăng ký nhãn hiệu/1.000DN	21,52	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	- Tuyên truyền, hướng dẫn cá nhân, tổ chức doanh nghiệp, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu. - Tăng cường triển khai các chính sách, chương trình hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong hoạt động khoa học, công nghệ.
		Đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể/10.000 dân	21,02			
		Chỉ dẫn địa lý được cấp giấy chứng nhận bảo hộ/tổng số xã	30,24			
6.3	Lan tỏa tri thức	Số doanh nghiệp mới thành lập	24,37	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Tham mưu triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
		Số doanh nghiệp khoa học và công nghệ và DN đủ điều kiện là Doanh nghiệp KH&CN/1.000DN	4,67	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các sở, ngành và đơn vị liên quan; - Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Tăng cường triển khai chương trình phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
		Tỷ lệ DN khởi nghiệp sáng tạo trong tổng số DN mới thành lập (%)	0	- Sở Khoa học và Công nghệ - Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Các sở, ngành và đơn vị liên quan.	Tăng cường triển khai các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo.

					- Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	
7	Tác động	05 chỉ số				
7.1	Tác động đến sản xuất - kinh doanh	Chỉ số sản xuất công nghiệp	43,33	Sở Công Thương	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	Tăng cường giải pháp phát triển sản xuất các ngành công nghiệp, triển khai chính sách phát triển dịch vụ logistics.
		Số sản phẩm OCOP 4 sao trở lên/tổng số xã	32,02	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Các sở, ngành và đơn vị liên quan. - UBND các huyện, thị xã, thành phố.	- Triển khai các chính sách, chương trình phát triển công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển sản phẩm nông nghiệp, phát triển nông thôn. - Thúc đẩy phát triển nhanh số lượng sản phẩm OCOP/tổng số đơn vị hành chính cấp xã.
		Giá trị xuất khẩu/GRDP (%)	5,58	Cục Thống kê	Sở Công Thương	Tham mưu các giải pháp nâng cao chỉ số
7.2	Tác động đến kinh tế - xã hội	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/tháng)	37,33	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	Tăng cường công tác rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm.
		Chỉ số phát triển con người	46,61	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	Tăng cường công tác rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm.
	Tổng	42 chỉ số thành phần				

PHỤ LỤC II
NỘI DUNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, PHÂN CÔNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
DUY TRÌ VÀ TIẾP TỤC NÂNG CAO ĐIỂM SỐ CỦA CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CÓ ĐIỂM SỐ TỐT NĂM 2023
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 2982 /KH-UBND ngày 08 /8/2024 của UBND tỉnh)

Số TT	Các Trụ cột	Các chỉ số thành phần	Điểm số được đánh giá năm 2023 (trên trung bình)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện nâng cao các chỉ số thành phần
1	Thể chế	02 chỉ số				
1.2	Môi trường kinh doanh	Chi phí gia nhập thị trường	54,18	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	Tăng cường triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI của tỉnh.
		Cạnh tranh bình đẳng	97,22	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	Tăng cường triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI của tỉnh.
2	Vốn con người và nghiên cứu và phát triển	01 chỉ số				
2.1	Giáo dục	Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT	55,20	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	Tăng cường giải pháp nâng cao chất lượng đầu ra của giáo dục và đào tạo.
3	Cơ sở hạ tầng	01 chỉ số				

3.1	Hạ tầng ICT	Quản trị điện tử	72,77	Sở Nội vụ	Các sở, ngành và đơn vị liên quan	Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để cải thiện chỉ số thành phần “ <i>Quản trị điện tử</i> ” thuộc chỉ số PAPI của tỉnh.
4	Trình độ phát triển thị trường	01 chỉ số				
4.1	Tài chính và đầu tư	Tài chính vi mô	84,07	- Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Bình Thuận - Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh	Các doanh nghiệp trong tỉnh	Tham mưu các chính sách tín dụng, chính sách thúc đẩy chương trình tài chính vi mô, nhằm giúp các doanh nghiệp nhỏ và người dân dễ tiếp cận các nguồn tín dụng vi mô ở địa phương để phục vụ phát triển kinh tế, thực hiện đầu tư sản xuất - kinh doanh.
5	Trình độ phát triển của doanh nghiệp	01 chỉ số				
5.2	Liên kết sáng tạo	Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức khoa học và công nghệ và doanh nghiệp	82,30	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các tổ chức khoa học và công nghệ - Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Duy trì thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ gắn với các doanh nghiệp.
6	Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ	01 chỉ số				
6.2	Tài sản vô hình	Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp	51,05	Sở Khoa học và Công nghệ	Các tổ chức, cá nhân,	- Tăng cường triển khai Chiến lược sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh.

					doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đăng ký sở hữu công nghiệp.
7	Tác động	03 chỉ số				
7.1	Tác động đến sản xuất - kinh doanh	Tốc độ tăng năng suất lao động	69,68	Cục Thống kê tỉnh	UBND huyện, thị xã, thành phố	Tăng cường triển khai các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội.
7.2	Tác động đến kinh tế - xã hội	Tốc độ giảm nghèo	57,29	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND huyện, thị xã, thành phố	Tăng cường rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm.
		Tỷ lệ lao động có việc làm trong nền kinh tế trên tổng số dân (%)	62,68	Cục Thống kê tỉnh	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. - Các sở, ngành và đơn vị liên quan	Tăng cường giải pháp nâng cao tỷ lệ lao động có việc làm trong nền kinh tế trên tổng số dân.
Tổng		10 chỉ số thành phần				

PHỤ LỤC III
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CUNG CẤP DỮ LIỆU VÀ HỒ SƠ TÀI LIỆU MINH CHỨNG
PHỤC VỤ TÍNH TOÁN CHỈ SỐ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CẤP TỈNH NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 2982 /KH-UBND ngày 08 /8/2024 của UBND tỉnh)

Số TT	Chỉ số thành phần	Dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng	Đơn vị thực hiện
1	Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách thúc đẩy phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	1. Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa hiện đang được thực hiện tại địa phương do Ủy ban nhân dân ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024).	Sở Khoa học và Công nghệ
		2. Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, hỗ trợ phát triển HST KN, hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ hiện đang được thực hiện tại địa phương do Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024).	
		3. Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách nhằm triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 hiện đang được thực hiện tại địa phương do Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024).	Sở Thông tin và truyền thông
		Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách chuyên đổi số hiện đang được thực hiện tại địa phương do Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024).	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

		Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách phát triển khu công nghiệp hiện đang được thực hiện tại địa phương do Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024).	Ban quản lý các Khu công nghiệp
		Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách phát triển cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề, dịch vụ logistics hiện đang được thực hiện tại địa phương do Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024).	Sở Công Thương
		Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách phát triển dịch vụ logistics hiện đang được thực hiện tại địa phương do Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024).	Sở Giao thông vận tải
		Liệt kê các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách phát triển và thu hút nhân lực hiện đang được thực hiện tại địa phương do Tỉnh ủy, HĐND, UBND ban hành (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6/2024).	Sở Nội vụ
2	Số tổ chức khoa học và công nghệ/10.000 dân	- <i>Dữ liệu</i> : Số tổ chức khoa học và công nghệ tại địa phương tính đến ngày 31/12/2023 (do Sở Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ). - <i>Tài liệu minh chứng</i> : Danh sách các tổ chức khoa học và công nghệ do Sở Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ kèm thông tin cơ bản (tên tổ chức, lĩnh vực hoạt động, địa chỉ).	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức khoa học và công nghệ và doanh nghiệp	- <i>Dữ liệu</i> : Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do tổ chức khoa học và công nghệ và doanh nghiệp cùng thực hiện tại địa phương; tổng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của địa phương (số liệu năm 2023, ĐVT: Triệu đồng). - <i>Tài liệu minh chứng</i> : Danh sách và thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ do tổ chức khoa học và công nghệ và doanh nghiệp chủ trì/tham gia thực hiện; danh sách các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (có thông tin: Cơ quan/ tổ chức chủ trì; tổ chức thực hiện; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện).	- Sở Khoa học và Công nghệ - Các tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh

4	Số doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tương đương/1000 doanh nghiệp	<p>- <i>Dữ liệu:</i> Số lượng doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; số lượng doanh nghiệp đạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp tỉnh trở lên (số liệu năm 2023).</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Danh sách doanh nghiệp được cấp giấy CN doanh nghiệp khoa học và công nghệ; danh sách doanh nghiệp đạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp tỉnh trở lên.</p>	Sở Khoa học và Công nghệ
		<p>- <i>Dữ liệu:</i> Số lượng doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (số liệu năm 2023).</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Danh sách doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.</p>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		<p>- <i>Dữ liệu:</i> Số lượng doanh nghiệp trong khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ sinh học (số liệu năm 2023).</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Danh sách doanh nghiệp trong khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ sinh học.</p>	Ban Quản lý các Khu công nghiệp
5	Tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương	<p>- <i>Dữ liệu:</i> Số lượng doanh nghiệp, dự án khởi nghiệp sáng tạo tham gia các cuộc thi, chương trình hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo của địa phương (số liệu năm 2023).</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Danh sách doanh nghiệp, dự án khởi nghiệp sáng tạo tham gia các cuộc thi, chương trình hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo của địa phương; kết quả chương trình (nếu có).</p>	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Tỉ lệ học sinh trung học tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học, kĩ thuật trên tổng số học sinh trung học (%)	<p>- <i>Dữ liệu:</i></p> <p>+ Số lượng học sinh tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học và kỹ thuật: (1) cấp quốc gia; (2) cấp tỉnh; (3) cấp huyện; (4) cấp trường (Số liệu của năm học 2022 - 2023 và 2023 - 2024).</p> <p>+ Tổng số học sinh: (1) THCS; (2) THPT; (bao gồm học sinh tại các trường công lập, ngoài công lập và học sinh từ các trường của cơ quan trung ương đặt trên địa bàn tỉnh) (Số liệu của năm học 2022 - 2023 và 2023 - 2024).</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo gửi UBND tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo

7	Tỷ lệ chi cho giáo dục, đào tạo và dạy nghề từ ngân sách địa phương/GRDP	<p>- <i>Dữ liệu:</i> Số kinh phí: (1) Chi đầu tư phát triển (chi giáo dục đào tạo và dạy nghề); (2) Chi thường xuyên (chi giáo dục đào tạo và dạy nghề); (3) Tổng chi NSDP (Số liệu năm 2023, ĐVT: Triệu đồng).</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Báo cáo quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và chi ngân sách huyện theo cơ cấu chi do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt.</p>	Sở Tài chính
8	2.2.2. Tỷ lệ chi cho khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương/GRDP	<p>- <i>Dữ liệu:</i> Số kinh phí: (1) Chi đầu tư phát triển (chi khoa học và công nghệ); (2) Chi thường xuyên (chi khoa học và công nghệ); (3) Tổng chi NSDP (Số liệu năm 2023, ĐVT: Triệu đồng).</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Báo cáo quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và chi ngân sách huyện theo cơ cấu chi do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt.</p>	Sở Tài chính
9	Tỷ lệ diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các khu công nghiệp trên tổng diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch của các khu công nghiệp	<p>- <i>Dữ liệu:</i> (1) Diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch; (2) diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng (ĐVT: ha), trong:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khu công nghiệp; + Khu kinh tế; + Khu công nghệ cao; + Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Báo cáo của Ban quản lý Khu Công nghiệp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	Ban Quản lý các Khu Công nghiệp
10	Tỷ lệ dự án đầu tư đang hoạt động trong các khu công nghiệp/1.000 DN	<p>- <i>Dữ liệu:</i> (1) Số dự án đầu tư nước ngoài đang sản xuất kinh doanh; (2) số dự án đầu tư trong nước đang sản xuất kinh doanh trong:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khu công nghiệp; + Khu kinh tế; + Khu công nghệ cao; + Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Báo cáo của Ban quản lý Khu Công nghiệp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	Ban Quản lý các Khu Công nghiệp
11	Vay tài chính vi mô/GRDP	<p>- <i>Dữ liệu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Dự nợ của tổ chức tài chính vi mô (tính đến ngày 31/12/2023, ĐVT: Triệu đồng). 	Chi nhánh Ngân hàng

		<p>+ Chương trình, dự án có cung cấp tài chính vi mô sử dụng ngân sách địa phương (tính đến ngày 31/12/2023, ĐVT: Triệu đồng).</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Báo cáo của Chi nhánh ngân hàng nhà nước gửi Ngân hàng nhà nước Việt Nam về tình hình hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.</p>	<p>Chính sách xã hội tỉnh</p>
		<p>- <i>Dữ liệu:</i></p> <p>+ Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật (tính đến ngày 31/12/2023, ĐVT: Triệu đồng).</p> <p>+ Chương trình, dự án có cung cấp tài chính vi mô ngoài ngân sách địa phương (tính đến ngày 31/12/2023, ĐVT: Triệu đồng).</p> <p>- <i>Tài liệu minh chứng:</i> Báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh hoặc của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đối với chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật; các chương trình, dự án ngoài ngân sách nhà nước có cung cấp tài chính vi mô.</p>	
		<p>- <i>Dữ liệu:</i> các chương trình cho vay Ngân hàng Chính sách xã hội (tính đến ngày 31/12/2023, ĐVT: Triệu đồng), cụ thể:</p> <p>+ Cho vay hộ mới thoát nghèo;</p> <p>+ Cho vay giải quyết việc làm;</p> <p>+ Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn;</p> <p>+ Cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn;</p> <p>+ Cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi ngành nghề đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đời sống khó khăn theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>+ Cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi heo theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ;</p> <p>+ Cho vay chương trình phát triển ngành lâm nghiệp (Dự án FSDP);</p> <p>+ Cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa Dự án KFW).</p>	<p>Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh</p>

		- <i>Tài liệu minh chứng</i> : Báo cáo kết quả hoạt động của Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội gửi Ngân hàng chính sách xã hội.	
12	Tỷ lệ các dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp/1.000DN	- <i>Dữ liệu</i> : (1) Số lượng dự án đầu tư đang hoạt động trong các Cụm công nghiệp; (2) Số lượng dự án đầu tư đang hoạt động trong các Cụm công nghiệp làng nghề. - <i>Tài liệu minh chứng</i> : Báo cáo của Sở Công Thương gửi UBND tỉnh, Cục Công Thương địa phương (theo biểu mẫu quy định tại Thông tư quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ).	Sở Công Thương
13	Số lượng sản phẩm OCOP/tổng số đơn vị hành chính cấp xã	- <i>Dữ liệu</i> : (1) Số lượng sản phẩm OCOP được cấp giấy chứng nhận hạng 4 sao; (2) Số lượng sản phẩm OCOP được cấp giấy chứng nhận hạng 5 sao. - <i>Tài liệu minh chứng</i> : Danh sách các sản phẩm được cấp giấy chứng nhận hạng 4 sao, 5 sao.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
14	Số liệu kinh tế xã hội khác	- GRDP của địa phương (tỉ đồng). - Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh tính đến ngày 31/12/2023. - Tổng số doanh nghiệp mới thành lập tính đến ngày 31/12/2023. - Dân số trung bình tính đến 31/12/2023. - Số lượng đơn vị hành chính cấp xã.	Cục Thống kê tỉnh

Ghi chú:

- Việc cung cấp dữ liệu và hồ sơ tài liệu minh chứng phục vụ tính toán chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh năm 2024 có thể thay đổi khi Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hướng dẫn.

- Giao Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện khi nhận được hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.